

Bản án số: 63/2021/DS-PT
Ngày 17 - 6 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Hữu Nhân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thanh
Ông Đỗ Mạnh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phước Minh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2021/TLPT-DS ngày 07 tháng 5 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 16/2021/DS-ST ngày 30/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện DL bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2021/QĐ-PT ngày 21/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị S, sinh năm: 1959.

Địa chỉ: Số 04, thôn M, xã GH, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đinh Văn S, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Số 56 Phạm Ngũ L, thị trấn DL, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng.

(Văn bản ủy quyền ngày 03/6/2019).

- Bị đơn: Bà Lê Thị D, sinh năm: 1953.

Địa chỉ: Thôn B, xã TC, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Lê Thị Thư T, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Số 55 Nguyễn Văn T, thị trấn DL, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị D – Bị đơn.

(Bà D, chị T có mặt; ông Sơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị S, cũng như lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đinh Văn S thì:

Từ năm 2016 đến năm 2017, bà D nhiều lần vay tiền của bà S và đã nhiều lần trả tiền nợ gốc và tiền nợ lãi nhưng bà S không nhớ cụ thể thời gian, số tiền và mức lãi suất của từng khoản vay và các khoản tiền đã trả. Tính đến ngày 10/5/2017 bà D còn nợ bà S 3.864.000.000 đồng, bà D tiếp tục vay tiền và trả lãi đến ngày 30/8/2017 thì không trả nữa.

Ngày 26/10/2017, hai bên đối chiếu sổ sách thống nhất bà D còn nợ bà S 5.184.000.000 đồng; vì vậy, bà D ký “giấy mượn tiền” ghi ngày 26/10/2017 xác định bà D vay của bà S 5.184.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, hạn trả vào ngày 25/11/2017. Do bà D đã trả lãi đến ngày 30/8/2017 nên bà S tự sửa nội dung ghi ngày 26/10/2017 thành ngày 30/8/2017 trong giấy mượn tiền bà D đã ký, mục đích để tiếp tục tính lãi từ ngày 01/9/2017.

Do bà D không trả nợ nên bà S khởi kiện yêu cầu bà D trả nợ gốc 5.184.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn từ ngày 30/8/2017 đến ngày 25/11/2017 theo mức lãi suất 20%/năm, nợ lãi quá hạn từ ngày 26/11/2017 đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án theo mức lãi suất 30%/năm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Đinh Văn S đại diện cho bà S xác định sau khi ký giấy nhận nợ 5.184.000.000 đồng vào ngày 26/10/2017, bà D và con gái của bà D là chị T đã trả cho bà S được 400.000.000 đồng. Nay yêu cầu bà D trả 4.784.000.000 đồng nợ gốc còn lại và nợ lãi chậm trả kể từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/3/2021 theo mức lãi suất 1,67%/tháng là 3.115.000.000 đồng nợ lãi.

Chứng cứ chứng minh là “giấy mượn tiền” ghi ngày 30/8/2017 có chữ ký của bà S và bà D.

Theo lời trình bày của bị đơn bà Lê Thị D thì:

Bà công nhận trong năm 2016, bà có nhiều lần vay tiền của bà S với lãi suất 3.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày (tương ứng 09%/tháng) để cho người khác vay lại kiếm lời. Tổng số nợ gốc bà đã vay của bà S khoảng 5.000.000.000 đồng, do vay nhiều lần nên bà không nhớ cụ thể số tiền và thời gian của từng khoản vay.

Khi vay tiền bà S ghi trong sổ theo dõi và bà ký nhận tiền chứ không lập giấy vay tiền đối với từng khoản vay. Bà đã trả đủ tiền lãi đến ngày 30/8/2017 và đã trả nợ gốc 05 lần với tổng số tiền 1.600.000.000 đồng. Do khi trả tiền bà S không viết giấy nhận tiền nên bà không nhớ thời gian trả và không có giấy tờ chứng minh.

Quá trình vay nợ, bà S có viết giấy xác định đến ngày 30/5/2017 bà còn nợ bà S

3.864.000.000 đồng và đã trả lãi đến ngày 30/8/2017. Đến tháng 8/2017 bà bị người ta giật nợ nên không có tiền trả cho bà S, vì vậy bà S lập “giấy mượn tiền” ghi ngày 26/10/2017 yêu cầu bà ký nhận. Do không biết chữ và tin tưởng bà S nên bà S viết thế nào thì bà ký nhận như thế. Đến ngày 19/01/2018 con gái bà là chị Lê Thị Thu T đã thay bà trả cho bà S 180.000.000 đồng.

Nay bà chỉ đồng ý trả cho bà S khoản nợ còn lại 3.684.000.000 đồng và nợ lãi từ ngày 30/8/2017 đến nay theo quy định của pháp luật.

Theo lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Thu T thì:

Chị là con gái của bà Lê Thị D và chị không biết cụ thể về việc vay nợ giữa bà D và bà S. Tuy nhiên, do bà D nợ tiền bà S nên chị đã thay bà D trả cho bà S được 180.000.000 đồng vào ngày 19/01/2018, hiện bà D còn nợ bà S bao nhiêu tiền chị không rõ.

- Tại phiên hòa giải vào ngày 19/8/2020, các đương sự cùng xác định tính đến ngày 30/8/2017 bà D còn nợ bà S 5.184.000.000 đồng, hạn trả vào ngày 25/11/2017 và phải chịu lãi suất 2%/tháng. Sau đó, bà D và chị T đã trả cho bà S được 400.000.000 đồng. Quá trình hòa giải các đương sự thỏa thuận bà D phải trả cho bà S số tiền còn nợ 4.784.000.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm đã lập biên bản hòa giải thành nhưng sau đó bà D thay đổi ý kiến đã thỏa thuận nên Tòa án cấp sơ thẩm không ban hành quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 16/2021/DS-ST ngày 30/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện DL. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị S về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc bà Lê Thị D phải trả cho bà Trương Thị S 4.784.000.000 đồng nợ gốc và 3.115.000.000 đồng nợ lãi chậm trả tính đến ngày 30/3/2021.

Kể từ ngày 31/3/2021 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án, theo mức lãi suất 1,67%/tháng.

2. Buộc bà Lê Thị Sinh phải hoàn trả cho bà Lê Thị D 4.980.000 đồng chi phí giám định.

Ngoài ra, Tòa án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 15/4/2021, bị đơn bà Lê Thị D có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án Dân sự sơ thẩm số: 16/2021/DS-ST ngày 30/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện DL.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị đơn bà Lê Thị D vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trương Thị S là ông Đinh Văn S có đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nhận định: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là đúng pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị D, giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 16/2021/DS-ST ngày 30/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện DL.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Đinh Văn S là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trương Thị S có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 12/6/2021. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung là có căn cứ.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Bà Trương Thị S cho rằng từ năm 2016 đến năm 2017 có cho bị đơn bà Lê Thị D vay tiền nhiều lần, đến ngày 26/10/2017 các bên đổi chiếu nợ; theo đó bà D còn nợ bà S số tiền 5.184.000.000 đồng nên các bên lập “Giấy mượn tiền” với số tiền trên và thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, thanh toán liền lãi vào ngày 25/11/2017. Do bà D đã trả lãi đến ngày 30/8/2017 nên bà S tự sửa nội dung ghi ngày 26/10/2017 thành ngày 30/8/2017 trong giấy mượn tiền bà D đã ký. Sau khi ký giấy mượn tiền thì bà D và con gái bà D là chị T mới trả cho bà được số tiền 400.000.000 đồng nên bà khởi kiện yêu cầu bà D thanh toán số tiền gốc còn lại 4.784.000.000 đồng và tiền lãi là 3.115.000.000 đồng.

Bị đơn bà D không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà S và cho rằng hiện nay bà chỉ còn nợ bà S số tiền 3.684.000.000 đồng nên chỉ đồng ý trả cho bà S số tiền này và lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 30/8/2017 đến nay nên các bên phát sinh tranh chấp. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” là đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị D thì:

Theo “Giấy mượn tiền” đề ngày 30/8/2017 có nội dung bà D vay của bà S số tiền 5.184.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, thanh toán tiền lãi vào ngày 25/11/2017. Do văn bản này có sửa chữa phần chữ số ghi ngày và ghi tháng, nên bà D đã yêu cầu cầu giám định. Tại kết luận giám định số: 1402/GĐ-PC09 ngày 20/9/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Lâm Đồng xác định “Giấy mượn tiền” ngày 30/8/2017, chữ số 30 trong phần ghi ngày được sửa từ chữ số 26; chữ số 8 trong phần ghi tháng được sửa từ chữ số 10.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định “Giấy mượn tiền” ngày 30/8/2017 do bà S giao nộp làm căn cứ khởi kiện được lập ngày 26/10/2017, sau đó bà S đã tự sửa phần ghi ngày, tháng từ 26 tháng 10 năm 2017 thành 30 tháng 8 năm 2017 là có cơ sở. Tuy nhiên, việc sửa chữa này không làm thay đổi nội dung về khoản nợ và thỏa thuận lãi suất và thời gian trả lãi (bút lục 42). Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án cũng

nếu tại phiên tòa hôm nay, bà D cũng thừa nhận chữ ký bên vay tại Giấy vay tiền trên là chữ ký của bà.

[4] Đối với văn bản viết tay do bà D giao nộp có nội dung ghi: “*Tổng số tiền chị thiếu em 3.864.000.000, đã trả lãi từ 10/4 đến 10/5. Chị Tuấn đã trả lãi đến 30/8/17. Còn thiếu lại chị Sinh 16,5 triệu lãi*” (bút lục 22). Theo bà D văn bản này chứng minh bà D chỉ còn nợ bà S số tiền 3.864.000.000 đồng. Tuy nhiên, do văn bản bà D giao nộp nêu nên được lập trước “Giấy mượn tiền” ghi ngày 26/10/2017 có nội dung bà D vay của bà S số tiền 5.184.000.000 đồng, nên tài liệu này không có giá trị chứng minh số tiền bà D còn nợ bà S là 3.864.000.000 đồng như bà D trình bày.

[5] Đối với 08 tài liệu là giấy viết tay được bà D giao nộp tại phiên tòa sơ thẩm có ghi chép các con số nhưng nội dung không rõ ràng và không ghi đầy đủ về ngày, tháng, năm. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà D cũng không lý giải được nội dung các tài liệu này nên cũng không có giá trị chứng minh cho lời trình bày của mình liên quan đến số tiền vay.

[6] Xét thấy, bà D cho rằng đã trả bà S nhiều lần tiền tổng cộng là 1.600.000.000 đồng, nhưng bà D không có chứng cứ để chứng minh; trong khi đó, bà S chỉ thừa nhận bà D mới trả được số tiền 400.000.000 đồng, trong đó có khoản 180.000.000 đồng chị T trả cho bà S vào ngày 19/01/2018. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định sau khi ký giấy nhận nợ 5.184.000.000 đồng, bà D mới trả được cho bà S số tiền 400.000.000 đồng là có căn cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào “Giấy mượn tiền” ghi ngày 26/10/2017 để buộc bà D có nghĩa vụ thanh toán cho bà S 4.784.000.000 đồng tiền gốc và 3.115.000.000 đồng tiền lãi tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/3/2021 với mức lãi suất 1,67%/tháng là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Với phân tích trên, Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị D để giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[7] Về án phí: Do kháng cáo của bà Lê Thị D không được chấp nhận nên bà D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Tuy nhiên, bà Lê Thị D, sinh năm: 1953. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm thì bà D đã hơn 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí. Theo Nghị quyết số: 326/2014/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Lê Thị D được miễn toàn bộ án phí nên Tòa án cấp phúc thẩm miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho bà D là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 - Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/2014/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị D. Xử:

1- Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 16/2021/DS-ST ngày 30/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện DL về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” giữa nguyên đơn bà Trương Thị S với bị đơn bà Lê Thị D; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Thư T.

2- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị S về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Lê Thị D phải trả cho bà Trương Thị S số tiền 4.784.000.000 đồng nợ gốc và 3.115.000.000 đồng nợ lãi chậm trả tính đến ngày 30/3/2021; tổng cộng là 7.899.000.000 đồng (bảy tỷ, tám trăm chín mươi chín triệu đồng).

- Lãi suất chậm thi hành án:

“Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự”.

3- Về chi phí tố tụng: Buộc bà Trương Thị S phải hoàn trả cho bà Lê Thị D số tiền 4.980.000 đồng chi phí giám định.

4- Về án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho bà Lê Thị D.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thanh - Đỗ Mạnh Hùng

Bùi Hữu Nhân

Nơi nhận

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND H. DL;
- CCTHADS H. DL;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Hữu Nhân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thanh - Đỗ Mạnh Hùng

Bùi Hữu Nhân